TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ
THƯƠNG HIỆU & CÔNG LUẬN

Hà Nội: Từ vùng rau an toàn đến bài toán minh bạch nguồn gốc sản phẩm

09:57 02/11/2026

Thí điểm truy xuất nguồn gốc điện tử tại các vùng rau tập trung đang mở ra hướng quản lý mới cho sản xuất nông nghiệp Hà Nội. Tuy nhiên, để công nghệ thực sự mang lại giá trị thương mại, các hợp tác xã và hộ nông dân vẫn cần tháo gỡ những khó khăn về nhân lực, chi phí và khả năng vận hành.

Trong chuỗi cung ứng thực phẩm, chất lượng sản phẩm là điều kiện quan trọng, nhưng chưa đủ để tạo dựng niềm tin trên thị trường. Với các mặt hàng rau tươi, việc chứng minh được nguồn gốc, quá trình sản xuất và đơn vị cung ứng ngày càng có ý nghĩa đối với hoạt động phân phối, nhất là khi sản phẩm được đưa vào siêu thị, cửa hàng tiện lợi và các kênh bán lẻ hiện đại.

Từ yêu cầu đó, Hà Nội đang triển khai thí điểm truy xuất nguồn gốc điện tử tại một số vùng sản xuất rau tập trung. Điểm đáng chú ý của mô hình không chỉ nằm ở việc ứng dụng công nghệ mà còn ở cách tổ chức dữ liệu sản xuất, gắn trách nhiệm của hộ nông dân với hoạt động thu gom, đóng gói và tiêu thụ sản phẩm của hợp tác xã (HTX).

Đưa thông tin sản xuất vào chuỗi phân phối

Theo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội, trong năm 2026, hoạt động thí điểm truy xuất nguồn gốc điện tử được triển khai tại vùng rau Văn Đức, xã Bát Tràng và vùng sản xuất rau thuộc xã Mê Linh, với tổng cộng 30 hộ nông dân tham gia trên diện tích 15.350 m².

Tại vùng rau Văn Đức, 20 hộ nông dân tham gia mô hình với diện tích 9.390 m², sản xuất 13 loại rau cung cấp cho HTX. Sau thu hoạch, sản phẩm được thu gom, đóng gói và phân phối tới người tiêu dùng thông qua hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi.

Việc đưa thông tin sản xuất lên hệ thống điện tử tạo điều kiện để HTX quản lý nguồn hàng theo từng hộ cung ứng, đồng thời có cơ sở cung cấp thông tin về sản phẩm cho đối tác phân phối. Đây là yếu tố cần thiết đối với các đơn vị muốn

duy trì quan hệ cung ứng ổn định với hệ thống bán lẻ hiện đại.

Tại xã Mê Linh, mô hình được triển khai với 10 hộ chuyên trồng cải củ trên diện tích 5.960 m². Sản phẩm được các hộ bán buôn cho HTX để tổ chức cung ứng ra thị trường.

Khác với phương thức quản lý chủ yếu dựa trên ghi chép thủ công, các hộ tham gia mô hình được hướng dẫn tạo lập, cập nhật thông tin sản xuất trên hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử. Dữ liệu được quản lý tập trung, phục vụ việc theo dõi và xác định nguồn gốc sản phẩm khi cần thiết.

Thông tin từ hai vùng rau được cập nhật trên Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản thực phẩm thành phố Hà Nội do Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý, đồng thời đã kết nối với hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Kết quả bước đầu cho thấy việc số hóa thông tin sản xuất có thể triển khai ngay tại các vùng rau đang cung ứng hàng hóa cho thị trường. Tuy nhiên, hiệu quả của mô hình không chỉ được đánh giá qua số hộ tham gia hay diện tích áp dụng, mà còn phụ thuộc vào khả năng duy trì dữ liệu chính xác, thường xuyên trong quá trình sản xuất và tiêu thụ.

Chi phí và năng lực vận hành là những vấn đề cần tháo gỡ

Thực tế triển khai cho thấy, trở ngại lớn đối với truy xuất nguồn gốc điện tử không hoàn toàn nằm ở hệ thống kỹ thuật mà còn xuất phát từ điều kiện sản xuất của nông dân và năng lực tổ chức của HTX.

Một số hộ chưa thành thạo thao tác trên thiết bị điện tử, trong khi không phải nông dân nào cũng có điện thoại thông minh để chủ động cập nhật nhật ký sản xuất. Việc chuyển từ ghi chép truyền thống sang quản lý dữ liệu số vì thế cần thời gian hướng dẫn và hỗ trợ trực tiếp.

Đối với các HTX, khó khăn tập trung ở việc thiếu nhân lực có chuyên môn công nghệ thông tin, cùng những hạn chế về cơ sở vật chất phục vụ quản lý dữ liệu. Nếu không bố trí được người phụ trách thường xuyên, việc cập nhật thông tin có nguy cơ bị gián đoạn, ảnh hưởng đến tính đầy đủ và độ tin cậy của dữ liệu truy xuất.

Bên cạnh đó, chi phí in ấn và sử dụng tem nhãn mã QR cũng tạo thêm áp lực đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh. Trong khi chi phí đầu vào tăng, giá bán sản phẩm chưa có sự cải thiện tương ứng, khiến lợi ích kinh tế trước mắt của việc áp dụng công nghệ chưa thực sự rõ rệt.

Để hỗ trợ các hộ tham gia, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội đã cử cán bộ trực tiếp xuống cơ sở hướng dẫn khởi tạo, cập nhật dữ liệu sản xuất. Tại vùng rau Văn Đức, UBND xã Bát Tràng huy động cán bộ các ban, ngành, đoàn thể phối hợp hỗ trợ nông dân thực hiện nhập liệu điện tử.

Cách làm này giúp giải quyết những vướng mắc ban đầu, đồng thời tạo điều kiện để người sản xuất từng bước tiếp cận phương thức quản lý mới. Tuy nhiên, về lâu dài, việc truy xuất nguồn gốc cần trở thành hoạt động thường xuyên của HTX và hộ nông dân, thay vì phụ thuộc vào sự hỗ trợ trực tiếp của cán bộ chuyên môn.

Từ thực tế thí điểm, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội đã đề xuất mở rộng mô hình theo lộ trình phù hợp, ưu tiên các tổ chức, cá nhân sản xuất, sơ chế, chế biến rau cung cấp cho siêu thị, nhà hàng và bếp ăn tập thể. Những đơn vị có quy mô lớn, điều kiện quản lý tốt sẽ được triển khai trước, sau đó từng bước mở rộng tới các cơ sở nhỏ lẻ.

Cơ quan chuyên môn cũng đề xuất Thành phố hỗ trợ chi phí in tem nhãn mã QR trong giai đoạn đầu và hỗ trợ kinh phí để HTX bố trí lực lượng hướng dẫn nông dân tạo lập, quản lý dữ liệu điện tử.

Cùng với hoàn thiện phương thức quản lý, việc kết hợp truy xuất nguồn gốc với phát triển thương mại điện tử được xác định là một hướng mở rộng thị trường. Các HTX và hộ nông dân sẽ được hỗ trợ tiếp cận những hình thức bán hàng trực tuyến, trong đó có livestream giới thiệu, tiêu thụ nông sản an toàn.

Dù vậy, việc mở rộng kênh bán hàng chỉ có thể phát huy hiệu quả khi chất lượng sản phẩm, thông tin nguồn gốc và khả năng cung ứng được duy trì ổn định. Đối với các HTX, đây vừa là yêu cầu trong tổ chức sản xuất, vừa là cơ sở để xây dựng uy tín với khách hàng và đối tác.

Từ hai vùng rau thí điểm, vấn đề đặt ra đối với Hà Nội không chỉ là mở rộng số lượng cơ sở sử dụng mã QR, mà còn phải bảo đảm người sản xuất có đủ điều kiện duy trì hệ thống truy xuất một cách thực chất. Khi dữ liệu được cập nhật đầy đủ và gắn với từng khâu trong chuỗi cung ứng, truy xuất nguồn gốc mới có thể trở thành công cụ hỗ trợ tiêu thụ, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường.

Minh Thắm